

Số: 20 /2020/QĐ-UBND

Long An, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND  
ngày 13/4/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thưởng bằng tiền  
đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích  
tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 956/TTr-SVHTTDL ngày 07/5/2020; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 1183/STP-XDKTVB ngày 27/4/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/4/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Đối với giải cấp tỉnh**

a) Vận động viên thể thao của các huyện, thị xã, thành phố và sở, ngành trong tỉnh khi đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội thể thao tỉnh, giải vô địch tỉnh được thưởng theo mức như sau:

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng.

- Huy chương bạc: 1.200.000 đồng.

- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng.

b) Vận động viên đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại giải vô địch trẻ tỉnh được thưởng theo mức như sau:

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

d) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên có mức tiền thưởng cao nhất tại giải cấp tỉnh.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển huyện, thị xã, thành phố thi đấu lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

+ Các môn tập thể có từ 05 vận động viên trở xuống: 01 huấn luyện viên.

+ Các môn tập thể có từ 06 đến 14 vận động viên: 02 huấn luyện viên.

+ Các môn tập thể từ 15 vận động viên trở lên: 03 huấn luyện viên.

- Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển huyện được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển huyện hưởng 40%.

đ) Kinh phí chi trả cho các huấn luyện viên quy định tại điểm d khoản 1 điều này do ngân sách huyện, thị xã, thành phố chi trả.

## **2. Đối với giải cấp huyện**

a) Vận động viên thể thao của các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, ngành thuộc huyện, thị xã, thành phố khi đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao, giải vô địch, giải trẻ huyện, thị xã, thành phố được thưởng theo mức không quá 70% mức thưởng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tối đa không quá 70% mức thưởng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

c) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các Đại hội Thể dục thể thao, giải vô địch, giải trẻ huyện, thị xã, thành phố có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên có mức tiền thưởng cao nhất tại giải cấp huyện, thị xã, thành phố.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển xã, phường, thị trấn thi đấu lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải vô địch, giải trẻ vô địch trẻ huyện, thị xã, thành phố có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

- + Các môn tập thể có từ 05 vận động viên trở xuống: 01 huấn luyện viên.
- + Các môn tập thể có từ 06 đến 14 vận động viên: 02 huấn luyện viên.
- + Các môn tập thể từ 15 vận động viên trở lên: 03 huấn luyện viên.

Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển xã, phường, thị trấn được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển xã, phường, thị trấn được hưởng 40%.

d) Kinh phí chi trả cho các huấn luyện viên quy định tại điểm c khoản 2 Điều này do ngân sách xã chi trả.

**3. Nguồn kinh phí thực hiện:** Dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước.

**Điều 2.** Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/5/2020. Quyết định này bãi bỏ điểm 2, khoản II Điều 1 của Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế-Bộ VH,TT&DL;
- Cục Kiểm tra VBPP-L-Bộ Tư pháp;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Phó CVP (Phan);
- TT. PVHC công tỉnh;
- Phòng VHXH;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, Mai. (24)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Cảnh**